

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ – NGỤY Ở MIỀN NAM (1954-1965)

Cùng với công nghiệp, thủ công nghiệp gần như bị phá sản trong thời gian chiến tranh đã được phục hồi rất nhanh chóng. Đến năm 1957, miền Bắc đã có gần 460.000 người tham gia sản xuất thủ công nghiệp (gấp hai lần số thợ thủ công năm 1941, là năm phát triển cao nhất); cung cấp 58,8% sản phẩm tiêu dùng trong nước.

Về thương nghiệp, Nhà nước ta chủ trương chuyển hoạt động sang hướng phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân; tăng cường mậu dịch quốc doanh, làm cho mậu dịch quốc doanh phát huy tác dụng tốt đối với đời sống nhân dân và sản xuất. Theo phương hướng đó, chỉ trong thời gian ngắn, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả: Giá cả thống nhất và ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện. Hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán không ngừng mở rộng và cung cấp nhiều mặt hàng cho nhân dân.

Việc giao lưu kinh tế giữa các địa phương trong nước được tăng cường. Hoạt động ngoại thương dần dần tập trung trong tay Nhà nước. Quan hệ buôn bán với nước ngoài ngày càng được mở rộng. Tính đến năm

1957, miền Bắc đã đặt quan hệ thương mại với 27 nước.

Về giao thông vận tải, đến cuối năm 1957, chúng ta đã khôi phục được 681 km đường sắt, khôi phục và xây dựng thêm 10.607 km đường ô tô. Các bến cảng (Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy) được tu sửa và mở rộng, góp phần rất quan trọng trong giao lưu hàng hoá, phục hồi kinh tế.

Cùng với thắng lợi trong nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, cơ cấu kinh tế cũng như quan hệ sản xuất miền Bắc cũng bước đầu có sự thay đổi. Đến cuối năm 1957, đã có 1/4 số hộ nông dân vào tổ đổi công, hơn 50% số thợ thủ công vào các tổ sản xuất và các hợp tác xã¹. Thành phần kinh tế quốc doanh chiếm 58% giá trị sản lượng công nghiệp, 100% trong các lĩnh vực ngân hàng, xây dựng cơ bản, bưu điện, đường sắt, 97% trong ngoại thương. Như vậy, kinh tế quốc doanh đã nắm được toàn bộ hoặc phần lớn những ngành then chốt và giữ vai trò chủ đạo đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong thời kì khôi phục kinh tế, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế cũng có những bước chuyển biến quan trọng. Hơn một triệu người đã thoát nạn mù chữ. Cùng với giáo dục phổ thông hệ 10 năm, nền đại học cũng được chú ý phát triển. Công tác y tế được coi trọng; các bệnh truyền nhiễm được đẩy lùi.

Những thắng lợi giành được trong thời kì khôi phục kinh tế có tác dụng tăng cường sức mạnh Nhà nước dân chủ nhân dân. Khối đoàn kết toàn dân được mở rộng, đánh dấu bằng sự ra đời của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (9-1955). Đó là những nhân tố rất quan trọng đảm bảo cho quân và dân ta đập tan mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực phản cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Trước ngày Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực, thực dân Pháp liên tục cho máy bay thả vũ khí, lương thực điện đài cho bọn phản động cài lại để đánh phá ta. Chúng tiếp tục gây phi, tổ chức hoạt động gián điệp, biệt kích, tránh gặp bộ đội, nếu bị đánh mạnh thì cất giấu vũ khí lẫn trốn, trên đường rút sang Lào hoặc trá hàng. Lực lượng phi ở Lào Cai có 5.025 tên, Hà Giang 798 tên, Yên Bái 147 tên...

Tranh thủ lúc quân Pháp chuẩn bị rút khỏi miền Bắc, tinh thần bọn phi hoang mang dao động, ngày 30-7-1954, Trung đoàn 246 được lệnh lên Tây Bắc, phối hợp với lực lượng vũ hành địa phương tiêu diệt bọn phi ở đây. Trong đợt truy quét này, ta diệt 128 tên, bắt 88 tên, gọi hàng 1.203 tên. Ngày 16-4-1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị nhắc nhở các cấp uỷ tiếp tục lãnh đạo công tác triệt phá âm mưu gây phi của đế quốc. Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương, ở những tỉnh trọng điểm như Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Hải Ninh, các đơn vị vũ trang đi vào từng bản làng của đồng bào dân tộc, tuyên truyền chính

sách của Đảng và Chính phủ, vạch trần tội ác của địch, phân hoá, cô lập bọn phản động. Bộ đội ta tận tình giúp đỡ đồng bào sản xuất, thực hiện "ba cùng" với dân, kiên trì phát động quần chúng, từng bước làm tan rã lực lượng phi. Cũng nhờ dựa vào dân, bộ đội và lực lượng công an còn kịp thời trấn áp và bắt gọn các đảng phái chính trị phản động ở một số địa phương (Đại Việt, Việt Nam Quốc dân đảng, Năm Sao Trắng...).

Sau ba năm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế (1955 - 1957), nhân dân miền Bắc sôi nổi bước vào thời kì cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trung tuần tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ của miền Bắc là "đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh..." .

Quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 14, tại kì họp lần thứ 9 (12-1958), Quốc hội khoá I đã thông qua kế hoạch ba năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, gồm những nội dung cơ bản sau đây:

1- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản

xuất nông nghiệp làm khâu chính, chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời rất chú trọng sản xuất công nghiệp, hết sức tăng thêm các tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

2- Ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo hướng xã hội chủ nghĩa, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp, đồng thời tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh.

3- Nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, đồng thời tăng cường củng cố quốc phòng.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp là thực hiện cải tạo quan hệ sản xuất kết hợp với cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động và giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nông dân, nhằm đưa giai cấp nông dân từ chỗ làm ăn riêng lẻ đi dần vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp là một cuộc cách mạng sâu sắc, lớn lao và phức tạp. Nó thay đổi tận gốc chế độ tư hữu và cả thói quen canh tác phân tán bao đời nay của hàng triệu nông dân.

Để bảo đảm cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp thắng lợi, một mặt phải quán triệt đường lối giai cấp của Đảng là dựa hẳn vào bần nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột của kinh tế phú nông, cải tạo tư tưởng phú nông, ngăn ngừa địa chủ ngóc đầu dậy, tiếp tục mở đường cho địa chủ lao động cải tạo thành con người mới, kiên quyết đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, phải thực hiện đúng ba nguyên tắc: Tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ; trong đó cơ bản nhất là nguyên tắc tự nguyện.

Ngoài đường lối giai cấp và những nguyên tắc đúng đắn, điều rất quan trọng là phải biết định ra được những hình thức quá độ thích hợp để tổ chức nông dân, hướng dẫn họ đi dần vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa. Đảng ta chủ trương thực hiện cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp qua ba bước: Tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp và hợp tác xã bậc cao.

Từ mùa thu năm 1958, chúng ta tiến hành đợt thí điểm đầu tiên cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Tiếp đó, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 (II-1958) và lần thứ 16 (4-1959), phong trào hợp tác nông nghiệp được đẩy mạnh. Trong năm 1959, chúng ta tổ chức đợt Giáo dục mùa thu, cho nông dân học tập chính

sách hợp tác hoá nông nghiệp và tranh luận rộng rãi về hai con đường, bước đầu giải quyết vấn đề "ai thắng ai" trên mặt trận tư tưởng. Sau đợt học tập này, trung nông gia nhập hợp tác xã. Cũng từ đó, cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp trở thành cao trào rộng khắp.

Trong quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp, thấm nhuần lời dạy của Lênin: "Một chế độ xã hội chỉ nảy sinh với điều kiện là được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính " , Nhà nước đã dành cho chế độ hợp tác hoá nông nghiệp một số đặc quyền về kinh tế, tín dụng ngân hàng. Trong ba năm (1958 - 1960), Nhà nước đầu tư cho nông nghiệp 180 triệu đồng, cho nông dân vay 138 triệu đồng, cung cấp cho nông dân 30 vạn tấn phân hoá học, 6 vạn trâu, bò cày, 4 triệu nông cụ các loại 2, xây dựng 19 công trình thuỷ lợi, bảo đảm việc tưới nước cho 153 vạn ha ruộng đất.

Đến cuối năm 1960, miền Bắc đã xây dựng được 41.401 hợp tác xã, với khoảng 86% số hộ nông dân và 76% diện tích ruộng đất; trong đó có gần 12% số hộ tham gia vào hợp tác xã bậc cao. Tại các địa phương miền núi, do có những đặc điểm riêng, Đảng ta chủ trương tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Tính đến tháng 6-1961, toàn miền núi có 357.753 hộ nông dân vào hợp tác xã, chiếm 75,64% tổng số hộ nông

dân; trong đó có 20,63% số hộ vào hợp tác xã bậc cao.

Thắng lợi của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng. Một giai cấp nông dân tập thể đã xuất hiện và do đó, khối liên minh công nông - nền tảng của chuyên chính vô sản - thực sự được củng cố vững chắc.

Đặc biệt, trong hoàn cảnh chiến tranh, hợp tác hoá nông nghiệp đã bảo đảm những điều kiện vật chất và tinh thần cho những người tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên các chiến trường.

Cùng với công cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công - thương nghiệp tư bản tư doanh cũng diễn ra tốt đẹp.

Công - thương nghiệp tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc là những thành phần kinh tế và giai cấp bóc lột. Vì vậy, khi miền Bắc bước vào thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo quan niệm của Đảng ta lúc đó, việc xoá bỏ thành phần kinh tế và giai cấp bóc lột ấy là một tất yếu. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (4-1959) nêu rõ: "Kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản thực chất là đối tượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa giai cấp

công nhân và giai cấp tư sản, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn đối kháng, phải giải quyết bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, bằng sự xoá bỏ chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản..." .

Tuy nhiên, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc nước ta được tiến hành trong hoàn cảnh đặc biệt. Đó là lúc Nhà nước dân chủ nhân dân đã được củng cố vững mạnh, khối liên minh công nông bền chặt, nền kinh tế quốc doanh được mở rộng và giữ vai trò chủ đạo đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân; là lúc giai cấp tư sản dân tộc miền Bắc nhỏ yếu, lại đã từng là bạn đồng minh của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Từ sau ngày hoà bình lập lại họ vẫn tán thành Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có khả năng tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh được tiến hành trong khi đất nước ta còn tạm thời bị chia làm hai miền, phương châm chính sách của Đảng là xây dựng miền Bắc, chiếu cố miền Nam nhằm tăng cường lực lượng của cả nước trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Trong hoàn cảnh ấy, Đảng ta chủ trương chuyển mâu thuẫn vốn đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân thành mâu thuẫn không đối kháng, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh bằng phương pháp hoà bình, thông qua hình thức công tư hợp doanh.

Với phương pháp cải tạo hoà bình, về kinh tế, Nhà nước không tịch thu tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản, mà dùng chính sách chuộc lại và trả dần dưới hình thức định tức. Về chính trị, chúng ta vẫn coi tư sản dân tộc là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong quá trình cải tạo hoà bình theo hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta chú trọng kết hợp các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục, biến những người tư sản thành những người lao động. Đây là một quá trình đấu tranh giai cấp gay go, tức tạt; là quá trình hạn chế, đánh lùi và cuối cùng xoá bỏ hoàn toàn sự bóc lột tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản dân tộc.

Đi đôi với chính sách chuộc lại, Đảng và Nhà nước còn chú ý sắp xếp công ăn việc làm cho người tư sản trong các xí nghiệp, tức là tạo điều kiện cho họ trở thành người lao động. Đến cuối năm 1960, đã có 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh. Cùng thời gian này, có 87,9% số thợ thủ công và 45% số hộ tiểu thương tham gia các hình thức hợp tác xã.

Kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa đã đưa đến những biến đổi về chất trong xã hội miền Bắc. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa được xác lập và về cơ bản đã xoá bỏ được chế độ người bóc lột người. Tiềm lực

mọi mặt của miền Bắc được tăng cường, bảo đảm cho miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc của cách mạng miền Nam và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cải tạo, chúng ta đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Chúng ta đã đồng nhất việc cải tạo với việc xoá bỏ các thành phần kinh tế cá thể, thủ tiêu nền kinh tế nhiều thành phần. Mặt khác, do tư tưởng chủ quan, nóng vội trong quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp, chúng ta đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện đối với nông dân.

Cùng với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong thời kì 1958 - 1960, chúng ta cũng đạt được nhiều thành tựu trên lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá. Nhà nước tập trung phần lớn số vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản trong công nghiệp. Trong ba năm cải tạo và phát triển kinh tế (1958 - 1960), mức đầu tư vào công nghiệp tăng gấp 3 lần so với ba năm trước (1955 - 1957). Vì thế, từ 97 xí nghiệp quốc doanh trong năm 1957, đến năm 1960 đã tăng lên 172 xí nghiệp do Trung ương quản lí và trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí. Trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp năm 1960, công nghiệp quốc doanh chiếm 89,9%. Thành phần quốc doanh trong nông nghiệp cũng tăng lên: Từ 16

nông trường quốc doanh trong năm 1957, đến năm 1960 đã có 59 cơ sở. Tốc độ phát triển sản xuất được giữ vững. Trong ba năm, dù đầu năm 1960 có thiên tai lớn, nhưng sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 5,6%; sản xuất công nghiệp tăng bình quân 21,7%. Công nghiệp địa phương tăng gấp 10 lần so với năm 1957. Công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm tăng 60,4%. Phần lớn hàng tiêu dùng trước đây phải nhập ngoại, đến lúc này miền Bắc đã tự cung cấp cho nhu cầu trong nước. Hệ thống các ngành công nghiệp nặng (điện lực, luyện kim, hoá chất...) bắt đầu được xây dựng.

Ngành Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phát triển khá nhanh. Năm 1956, miền Bắc chỉ có 7 cơ sở hợp tác xã với 258.062 xã viên, đến cuối năm 1959, số hợp tác xã mua bán lên tới 258 cơ sở, bao gồm trên 4.000 cửa hàng và tổ thu mua ở khắp các tỉnh, với 1 500.000 xã viên. Từ một Sở mậu dịch quốc doanh trong kháng chiến chống Pháp, đến năm 1959, đã có 12 Tổng công ty chuyên nghiệp, bao gồm 1 .400 cửa hàng. Bên cạnh những thành tựu trong việc cải tạo và phát triển kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa, trong ba năm (1958 - 1960), nhân dân miền Bắc còn đạt được nhiều thành quả to lớn về văn hoá, giáo dục, y tế. Những cơ sở nghiên cứu di sản văn hoá, nghệ thuật của dân tộc được xây dựng. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nghệ thuật cũng như công tác bảo tồn các di tích lịch sử và văn hoá được chú trọng.

Trên mặt trận giáo dục, công tác thanh toán nạn mù chữ được đẩy mạnh. Đến cuối năm 1960, miền Bắc đã căn bản xoá bỏ được nạn mù chữ cho những người dưới 50 tuổi. Trên cơ sở đó, công tác bổ túc văn hoá phát triển mạnh mẽ, tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục cấp I cho toàn dân, trước hết là trong cán bộ và thanh niên. Giáo dục phổ thông phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Đến cuối năm 1960, số học sinh phổ thông tăng gấp 2 lần so với năm 1957; số học sinh trung học chuyên nghiệp và đại học đều tăng gấp 4 lần. ở các địa phương miền núi, các trường, lớp phổ thông các cấp cũng phát triển vượt bậc. Các dân tộc thiểu số (Thái, Tày, Nùng, Hmông) được Nhà nước giúp đỡ, đã cải tiến hoặc xây dựng chữ viết riêng).

Công tác y tế có nhiều tiến bộ lớn. Chúng ta đã đạt được một số thành tựu mới trong lĩnh vực nghiên cứu y học. Cơ sở y tế (bệnh viện, lệnh xá, trạm xá, cơ sở hộ sinh) tăng gấp 11 lần so với năm 1955. Đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân miền Bắc được cải thiện rõ rệt. Trong thời gian từ năm 1957 đến năm 1959, thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người tăng 19,3%; tiền lương thực tế của công nhân viên chức tăng 33%; thu nhập bình quân của nông dân tăng 14,8%. Sức mua bình quân theo đầu người tăng 66,2% so với năm 1955.

Những thành tựu đạt được cùng với những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế - xã hội miền Bắc được phản ánh trong Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta, được Quốc hội thông qua ngày 31-12-1959. Ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh công bố Hiến pháp mới. Việc ban hành Hiến pháp mới xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu của cách mạng. Sau khi giành được chính quyền, ngày 9-1-1946, Quốc hội khoá I đã thông qua Hiến pháp, tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là bản Hiến pháp đầu tiên khẳng định một chính quyền của nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Sau ngày hoà bình lập lại, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Nhà nước dân chủ nhân dân ở miền Bắc chuyển sang chức năng, nhiệm vụ chuyên chính vô sản. Trải qua hai thời kì: Khôi phục kinh tế (1955 - 1957) và kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), mọi mặt trong đời sống xã hội miền Bắc có nhiều chuyển biến lớn lao. Cơ cấu xã hội miền Bắc có nhiều thay đổi rất căn bản (giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, giai cấp tư sản dân tộc được cải tạo theo hướng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân lớn mạnh, giai cấp nông dân đang tích cực đi vào con đường hợp tác hoá, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật).